

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á

NGÔ VĂN DOANH

VĂN HÓA CỔ

CHĂMPA



Nhà Xuất Bản Văn Hóa Dân Tộc

VĂN HÓA CỔ CHĂMPA

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á
NGÔ VĂN DOANH

VĂN HÓA CỔ CHĂMPA

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

PHẦN MỞ ĐẦU

Chương một
LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU

A- TRƯỚC NĂM 1975

Chămpa trở thành đối tượng nghiên cứu thực sự của các nhà khoa học bắt đầu từ giữa thế kỷ XIX bằng sự kiện: vào năm 1852, nhà nghiên cứu J. Crawford lần đầu tiên lưu ý tới người Chăm và công bố 81 từ Chăm. Chỉ 16 năm sau đó, những mối quan tâm đối với người Chăm mới được mở rộng, nhưng lại vẫn là từ phía các nhà ngôn ngữ học. Vào năm 1868, A. Bastian công bố hai trang từ vựng tiếng Chăm do chính ông thu thập được. Và, chỉ hai năm sau (1870), A. Bastian công bố một bài viết về ngôn ngữ Chăm và nguồn gốc của người Chăm. Tiếp theo, vào năm 1875, một nhà ngôn ngữ khác tên là A. Morice đưa vào *Revue de linguistique et de philologie* (VII, 1875) tập từ vựng tiếng Chăm đầu tiên gồm 800 từ. Cuối cùng, vào năm 1877, K. F. Holle cho in bảng chữ cái Chăm và bảng chữ cái đó được hoàn thiện bằng lời bình luận vào năm 1882.

Bắt đầu từ năm 1880 trở đi, các ấn phẩm về Chămpa cổ và người Chămpa mới bắt đầu xuất hiện. Trên thực tế, là vào quãng thời gian này, chúng ta mới thấy ấn phẩm về những phát hiện có tính chất nghiên cứu do một người Pháp đã sống ở đất nước Chămpa xưa từ trước đây chủ trì. Năm 1880, A. Labussière đưa ra một thông báo đầu tiên về khía cạnh tôn giáo - xã hội

của người Chăm Hồi giáo ở miền tây-nam Việt Nam. Năm 1881, E. Aymonier cho công bố bài viết về văn tự và các phương ngữ Chăm. Tiếp sau đó là các nghiên cứu của các học giả khác: Neis và Septfons công bố một cuốn từ vựng mới; L. P. Lesserteur có hai ghi chép về văn tự; J. Moure cho ra đời các ghi nhận về bảng chữ và một nguyên bản về ngôn ngữ Chăm ở Campuchia; A. Landes công bố một sưu tập truyện; A. Bergaigne xuất bản những nhận xét về văn tự Chăm, sau đấy, vào năm 1889, ông công bố công trình đầu tiên về lịch sử Chămpa qua các văn bản cổ và, vào năm 1893, ông cho ra đời công trình về văn bản gốc và bản dịch 16 bia ký cùng lời bình. Suốt trong thời gian đó, Lamire viết 10 bài báo về các công trình kiến trúc của Chămpa và C. Paris, trong ba ghi chép của mình, đưa ra bảng liệt kê các di tích ở Quảng Nam.

Sang đầu thế kỷ XX, ngay vào những năm đầu tiên (1901), L. Finot xuất bản danh mục các kiến trúc Chămpa cũng như nghiên cứu của mình về các tôn giáo của nước Chămpa cổ. Rồi đến năm 1918, ông cho ra mắt một loạt bài nghiên cứu về văn tự Chăm. Trong thời gian này, H. Parmentier tiến hành khảo tả các di tích Chămpa, các kho báu của các vua Chăm và đã thông báo những kết quả khai quật tại các địa điểm và các đô thị cổ của Chămpa. Cũng vào đầu thế kỷ XX, A. Cabaton, người mà sau này sẽ viết nhiều bài về Chămpa, đã cho xuất bản bài thông báo đầu tiên về văn học Chăm và một cuốn sách về dân tộc học. Vào năm 1905, cùng với E. Aymonier, ông hoàn thành và cho xuất bản cuốn Từ điển Pháp-Chăm - một công trình cơ bản về ngôn ngữ Chăm. Cũng vào năm đó, W. Schmidt công bố bài báo nổi tiếng xác định tiếng Chăm thuộc hệ ngôn ngữ Austroasiatic (Nam Á), một ngữ hệ không có quan hệ gì về nguồn gốc với nó cả. Vào quãng thời gian này, E. M. Durand cho ra mắt 12 bài viết về người Chăm cũng như nhiều bài báo khác; E. Huber đắm mình vào những bài nghiên cứu về văn tự

Chăm công bố trong *Tham cứu Đông Dương* (Indochine studies); G. Coedes cho xuất bản danh mục các bia ký Chăm (năm 1906); L. Cadiere xuất bản các bài viết về các di tích Chăm ở hai tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình. Trong khoảng giữa những năm 1910-1913, G. Maspero cho ra đời cuốn sách *Vương quốc Chămpa* (Le royaume du Champa) và H. Maspero thì in nghiên cứu của mình về ngữ âm học lịch sử tiếng Chăm vào năm 1912.

Từ năm 1915 đến 1920, những ấn phẩm về Chămpa giảm đi một cách rõ rệt vì hai lý do: 1) Các nhà nghiên cứu có tên tuổi về Chăm đã mất; 2) Sự hấp dẫn đối với việc nghiên cứu về thế giới của người Khome, người Việt và người Thái trở lại mạnh mẽ. Chỉ từ sau năm 1920 trở đi mới lại xuất hiện một số nghiên cứu về Chăm: A. Sallet công bố một số bài báo về Folklore Chăm (năm 1923); P. Ravaisse cho in bài viết về hai bia ký nói về cộng đồng Hồi ở Chămpa (năm 1922). Vào năm 1927, R. Majumdar cho ra đời cuốn sách *Các thuộc địa Ấn Độ ở Viễn Đông*; Chămpa, một cuốn sách mô tả lịch sử và tôn giáo Chăm. Vào năm 1931, E. D. K. Bosch, trong hai bài viết mang tính khảo cổ học đã nhấn mạnh sự tồn tại những mối quan hệ đích thực giữa các mô típ nghệ thuật Chămpa và Giava. Vào năm 1931, và sau đó, vào năm 1933, P. Mus cho in hai bài viết về tôn giáo của người Chăm; năm 1932, Baudesson cho ra mắt cuốn sách về dân tộc Chăm; vào năm 1933-1934, Nguyễn Văn Tố viết ba bài về "kho báu" của Chămpa.

Năm 1934, J. Y. Claeys xuất bản một cuốn sách phổ cập có giá trị *Introduction à L'étude de L'Asie et du Champa: Le Chams les Annamites* vào năm 1931; K. A. Nilakanta Sastri viết bài trả lời bài viết về văn tự Chăm mà R. C. Majumdar xuất bản 3 năm trước đây. Trong suốt thời gian chiến tranh thế giới thứ II, E. D. Edwards và C. O. Blagden xuất bản cuốn từ điển Trung Quốc những từ và những câu tiếng Chăm thế kỷ XV; P. Stern cho ra đời cuốn sách về nghệ thuật Chămpa; G. Coedes

viết bài về bia ký Sanskrit ở Võ Cảnh; Nguyễn Văn Tố công bố bài viết về những tên đất của người Việt có nguồn gốc Chăm và Nguyễn Thiệu Lâu in hai bài nghiên cứu về địa lý lịch sử.

Ngay sau chiến tranh thế giới II, R. Stein cho ra mắt cuốn *Lâm Ấp* (Le Lin-Yi 1947), P. Dupont xuất bản cuốn *Nam Đông Dương thế kỷ VI-XII: Chân Lạp và Panduranga* (Le Sud Indochinois du VI^e et XII^e siècles: Tchen-la et Panduranga), một nghiên cứu về những mối quan hệ giữa vương triều Panduranga và Chân Lạp. Vào năm 1949, R. Linguat xuất bản công trình *L'Influence Juridique de L'Inde au Champa et au Cambodge d'après L'épigraphie*; J. Boisselier cho in bài về nghệ thuật Chăm (năm 1957) và cuốn sách về tượng Chăm (năm 1963).

Một số năm sau, vào năm 1971, H. Moussay in cuốn *Từ điển Chăm-Việt-Pháp*. Vào năm 1973 sử dụng những nguồn tài liệu Bồ Đào Nha, P. Y. Manguin xuất bản năm 1973 bài nghiên cứu về các con đường biển và những mối quan hệ buôn bán giữa Champa và Việt Nam trong những thế kỷ XIV-XVII.

Từ sau năm 1975, các nhà khoa học Việt Nam bắt đầu có những đóng góp thực sự vào việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa và dân tộc Chăm. Trong khi đó, ở nước ngoài, các nhà khoa học cũng có công bố một số công trình đáng kể. Đó là hai cuốn sách về các văn bản Chăm có ở Pháp (năm 1978 và 1981), sau đây là công trình *Inventaire des Archives du Panduranga du fonds de la Société Asiatique de Paris* (1984) do các nhà khoa học Pháp tiến hành. Vào năm 1982, hai công trình về lịch sử Panduranga thế kỷ XIX của Po Dharma xuất hiện.

Có thể nói, suốt hơn một thế kỷ qua, các nhà khoa học nước ngoài, đặc biệt là các nhà khoa học Pháp đã không chỉ mở ra cả một khoa học nghiên cứu Chăm mà còn có rất nhiều đóng góp vào việc tìm hiểu, nghiên cứu và bảo tồn các di sản lịch sử và văn hóa của người Chăm. Những nghiên cứu của các học

giả nước ngoài đi vào nhiều khía cạnh khác nhau của lịch sử văn hóa Chăm.

I. KHẢO CỔ, VĂN TỰ VÀ NGHỆ THUẬT

Mặc dầu nền kiến trúc và nghệ thuật cổ của người Chăm rất độc đáo, nhưng các di tích nghệ thuật cổ của người Khome vừa nhiều về số lượng vừa đầy hấp dẫn đã hút gần hết sự chú ý của các nhà khoa học Pháp nói riêng và phương Tây nói chung trong suốt một thời gian dài. Do đó, nếu nói riêng về lĩnh vực khảo cổ học và nghệ thuật học thì các nhà nghiên cứu chú ý tới Campuchia trước rồi sau đó mới tới Chămpa.

Vào những năm từ 1887 đến 1907, C. Lemire có 10 bài viết, C. Paris và L. Finot, mỗi người 3 bài, là những người đầu tiên chú ý một cách khoa học tới các công trình kiến trúc Chămpa. Và, bảng danh mục đầu tiên về các di tích kiến trúc đó được E. Lunet de la Jonquiere đưa vào tập *Bản đồ khảo cổ học Đông Dương* của mình (Atlas Archéologique de L'Indochine. Monuments du Champa et du Cambodge) xuất bản năm 1901 và được L. Finot nói tới trong một bài báo xuất bản vào cùng năm đó (1901). Tám năm sau, H. Parmentier, khi hoàn thành cuộc điều tra khảo cứu và phục chế nhiều công trình kiến trúc trên toàn vùng lãnh thổ Chămpa xưa, đã viết 14 bài viết cho BEFEO (Tập chí Trường Viễn đông bác cổ) và *Bulletin de la commission Archéologique de L'Indochine* và đã công bố hai tập *L'Inventaire descriptif des monuments cam de L'Annam (1909-1918)*, một công trình nghiên cứu cơ bản về khảo cổ Chămpa. Sau đấy, H. Parmentier và Nguyễn Văn Tố còn viết một số bài về tượng Chăm và về những cái gọi là "kho báu" Chăm.

Tất cả những ấn phẩm trên đã thu hút được sự chú ý của các nhà nghiên cứu. Đầu tiên là việc H. Parmentier lập ra Bảo tàng điêu khắc Chăm ở Đà Nẵng, sau đấy là việc Coral - Remusat đưa ra những giả định về niên đại của nghệ thuật

Chăm trái với những niên đại mà H. Parmentier đưa ra trước đây, rồi P. Stern, người cho ra mắt vào năm 1942 cuốn sách *L'Art de Champa (Ancien Annam) et son évolution* đã triển khai giả thiết mà G. de Coral Remusat đưa ra từ năm 1934. Cuốn sách của P. Stern, cho đến nay vẫn còn là cuốn tra cứu niên đại các di tích Chăm, mặc dầu từ thời điểm đó đến giờ các nhà nghiên cứu ít nhiều có thay đổi vị trí niên đại của một vài di tích. Sau đó, P. Dupont và J. Boisselier có viết một số bài nghiên cứu về tượng Chăm. Nhưng chỉ đến năm 1963, J. Boisselier mới hoàn thành công trình cơ bản lớn về tiêu tượng Chăm *La statuaire du Champa, Recherches sur les cultes et L'inconographie* - một cuốn sách mà ở đó đã đưa ra những mô tả toàn diện về tượng Chăm cũng như những nghiên cứu về thờ tự thông qua những cứ liệu lịch sử, bia, ký và tiêu tượng và đã khám phá ra mối quan hệ giữa Chăm-pa với Ấn Độ, Trung Quốc và các khu vực khác ở Đông Nam Á. Công trình này của J. Boisselier đã được hoàn thiện, sửa chữa đôi chút và được in lại vào năm 1984. Tất cả những ấn phẩm trên vừa khái quát vừa rất tỉ mỉ về nghệ thuật Chăm-pa.

So với hai lĩnh vực khảo cổ và nghệ thuật thì các nghiên cứu về bia ký và văn tự Chăm-pa không nhiều và thua xa việc nghiên cứu văn tự và bia ký Khome. Tình hình này cũng do nguyên nhân khách quan đưa lại: bia ký Chăm ít hơn nhiều so với bia ký Khome. Nếu như cho đến nay chỉ mới phát hiện được 206 bia ký bằng chữ Chăm cổ và chữ Sanskrit ở Chăm-pa thì ở Cămpuchia, số lượng bia ký đã phát hiện được lên tới hơn 1000. Chính vì vậy mà các nhà nghiên cứu về văn tự Chăm ít hơn. Ngoài ra, trong số các nhà nghiên cứu văn tự Chăm, có không ít những người như L. Finot, chỉ nghiên cứu bia ký Chăm để làm sáng tỏ thêm cho những nghiên cứu của mình về bia ký Khome.